

Gia Lai, ngày 28 tháng 05 năm 2018

BẢNG ĐIỂM CÁC LỚP HỌC LẠI RIÊNG HỌC KỲ 2 NĂM 2017-2018

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Tên học phần	Điểm KT	Điểm Thi L1	Điểm Thi L2	TB	Ghi chú
1	211504034	Trương Thị Thu	Thủy	CCSH15	Toán Cao Cấp	7.0	6.5		7.0	
2	211504036	Ksor H'	Tri	CCSH15		0.0	0.0		0.0	
3	211504039	Nguyễn Thị	Vọng	CCSH15		7.0	6.0		6.0	
4	211504038	Phan Hoàng Tú	Uyên	CCSH15		7.5	6.5		7.0	
5	211501006	Nguyễn Thị Kim	Dung	CCTO15	Số phức trong hình học	7.5	5.0		6.0	
6	211501012	Phạm Thúy	Hằng	CCTO15		7.5	7.0		7.0	
7	211501023	Thái Đình	Nguyên	CCTO15		7.0	5.5		6.0	
8	211501035	Nguyễn Thị	Trâm	CCTO15		7.0	6.0		6.0	
9	211501036	Lê Thị	Trang	CCTO15		7.5	5.5		6.0	
10	211413001	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	CCMT14	Nghệ thuật học đại cương	7.0	7.0		7.0	
11	211509013	Nguyễn Thị	Huệ	CCLS15	QHQT từ sau 1918 đến nay và CTTGII	7.5	7.0		7.0	
12	211509018	Ksor	Khuron	CCLS15		6.5	7.0		7.0	
13	211509030	Kpuih	Phon	CCLS15		6.5	7.0		7.0	
14	211420011	Phạm Thị Ngọc	Mai	CCTA15	Ngữ âm học	7.3	7.0		7.0	
15	211518120	Lưu Thị Sa	Na	CCMN151	Tiếng Anh 2	7.8	8.0		8.0	
16	211520014	Cao Mỹ	Huyền	CCTA15	Nhập môn tin học	9.0	8.0		8.0	
17	211521015	Nguyễn Thị	Nhàn	CCQT15	Những NLCB của Chủ	7.5	7.0		7.0	
18	211521028	Huỳnh Nguyễn Ái	Trâm	CCQT15	Nghĩa Mác - LêNin 1	7.5	6.5		7.0	
19	211507013	Đoàn Ngọc	Long	CCNV15	PPGD Tiếng Việt	7.8	8.5		8.0	
20	211502022	Ngô Thị Tố	Nga	CCVL15	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	8.5	9.5		9.0	
21	211502027	Trần Đức	Phương	CCVL15	Những NLCB của Chủ Nghĩa Mác - LêNin 2	5.0	5.0		5.0	
22	211502008	Nguyễn Đình Công	Hiếu	CCVL15	Nhập môn tin học	9.5	7.5		8.0	

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Tên học phần	Điểm KT	Điểm Thi L1	Điểm Thi L2	TB	Ghi chú
23	211520001	Lê Thị Lan	Anh	CCTA15	Kỹ năng thực hành tiếng tổng hợp 5	8.5	6.5		7.0	
24	211520002	Trịnh Ngọc Kiều	Anh	CCTA15		8.3	6.5		7.0	
25	211520007	Nguyễn Thị	Duyên	CCTA15		7.8	6.5		7.0	
26	211520010	Trần Thúy	Hiền	CCTA15		7.8	8.5		8.0	
27	211420011	Phạm Thị Ngọc	Mai	CCTA15		8.3	7.0		8.0	
28	211520014	Cao Mỹ	Huyền	CCTA15		8.3	7.0		8.0	
29	211520016	Trần Thị	Liên	CCTA15		8.3	6.5		7.0	
30	211520022	Nguyễn Thị Kiêm	Oanh	CCTA15		8.5	7.5		8.0	
31	211520023	A	Pha	CCTA15		8.5	6.0		7.0	
32	211520026	Nguyễn Đỗ Thục	Quyên	CCTA15		8.3	6.0		7.0	
33	211520029	Nguyễn Thị Thu	Sương	CCTA15		7.8	7.5		8.0	
34	211520031	Phan Thị Thu	Thảo	CCTA15		8.5	7.5		8.0	
35	211520033	Vương Thị Thúy	Thu	CCTA15		8.3	7.5		8.0	
36	211520037	Thân Thị Bích	Trâm	CCTA15		8.0	6.0		7.0	
37	311618318	Đinh Thị	Khang	TCTM163	Phương pháp Giáo dục âm nhạc	7.6	7.0		7.2	
38	311618253		Yoi	TCTM162		7.4	7.0		7.2	
39	311618354		Yoam	TCTM163		7.4	6.5		6.9	
40	311618239		Thao	TCTM162		9.2	6.5		7.6	Thi lại
41	311618124	Ksor H'	Ning	TCTM161	Nhập môn tin học	7.8	8.0		7.9	
42	311618253		Yoi	TCTM162		9.5	4.0		6.2	Thi lại
43	311618354		Yoam	TCTM163		9.6	4.0		6.2	Thi lại
44	311618102	Siu H	Bui	TCTM161	Chính trị 1	8.0	7.8		7.9	
45	311618301	Ksor H'	Bé	TCTM163		7.7	5.0		6.1	
46	311618316		Kep	TCTM163		7.3	6.5		6.8	
47	311618253		Yoi	TCTM162		7.3	5.5		6.2	
48	211502022	Ngô Thị Tố	Nga	CCVL15	Cầu lông	5.0			5.0	
49	211517211	Trương Thị Bích	Hiền	CCTH152	HP Nhảy cao - Đẩy tạ	6.0			6.0	
50	211517235	Võ Lê Minh	Thi	CCTH152		6.0			6.0	
51	211517245	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	CCTH152		6.0			6.0	
52	211518137	Tổng Thị Hà	Thanh	CCMN151	Rèn luyện NVSP TX 1	8.8			8.8	

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Tên học phần	Điểm KT	Điểm Thi L1	Điểm Thi L2	TB	Ghi chú
53	211601013	Nguyễn Thị	Huyền	CCTO16	Nhảy xa - Thẻ dực tự do	5.0			5.0	
54	211601039	Dương Thị Xuân	Uyên	CCTO16		6.0			6.0	
55	211509012	Nguyễn Thị Lệ	Hoa	CCLS15		6.0			6.0	
56	211509021	Ngô Thị Thùy	Linh	CCLS15		5.0			5.0	
57	211520014	Cao Mỹ	Huyền	CCTA15	Nhảy dây	6.0			6.0	
58	211521021	Võ Thúy	Quỳnh	CCQT15		7.0			7.0	
59	211502027	Trần Đức	Phương	CCVL15	Nhảy xa				0.0	Ko học
60	211502027	Trần Đức	Phương	CCVL15	Đẩy cao				0.0	Ko học

Danh sách trên gồm có 60 sinh viên

Lưu ý: Những trường hợp còn nợ học phí thì điểm sẽ không được tính vào bảng điểm tích lũy toàn khóa

Phòng Đào Tạo

Người lập

ThS. Ngô Võ Thạnh

Nguyễn Thanh Hương